

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3652^a/QĐ-BNN-LN ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3670^a/QĐ-BNN-LN ngày 28/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3703/QĐ-BNN-LN ngày 30/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 200/TTr-SNN ngày 22 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Điều 2.

- Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Viễn thông Đắk Nông công khai, đồng bộ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đồng thời, niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định.

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Giao UBND cấp huyện niêm yết, công khai nội dung TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

- Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế TTHC tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được thay thế, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Sib*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn Thông Đắk Nông;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC (Đ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tôn Thị Ngọc Hạnh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

A. DANH MỤC TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính mới ban hành: 02 TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết TTHC	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu ¹	- Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam - Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Hạt Kiểm lâm cấp huyện
Thủ tục hành chính cấp huyện						
1	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định về thanh lý rừng trồng. - Quyết định số 3670a/QĐ-BNN-KL ngày 28/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Lâm nghiệp	Cơ quan kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện

¹ Trước đây thuộc thủ tục hành chính cấp huyện.

II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 01 TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung TTHC sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết TTHC	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ ²	- Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm	Chi cục Kiểm lâm

III. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 02 TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản quy bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	1.000065	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Lâm nghiệp. - Quyết định số 3703/QĐ-BNN-LN ngày 30/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Được công bố tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông
Thủ tục hành chính cấp huyện						

² Tên gọi cũ: “Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ”.



Stt	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản quy bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	3.000175	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	- Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Quyết định số 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Kiểm lâm	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Được công bố tại Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông

(Danh mục có 05 thủ tục hành chính)



B. NỘI DUNG CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Bảng kê gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. Trường hợp chủ gỗ là doanh nghiệp thuộc Nhóm I thì bảng kê gỗ không phải xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại; - Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP hoặc bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). + Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo Mẫu). + Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). + Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về Hạt Kiểm lâm cấp huyện.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ gỗ.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang Bước 	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Điều 8, Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 7, khoản 8, khoản 9 Điều 1 và khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>lâm sản (Thông tư số 26/2022/TT-BNNTPNT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p> <p>3. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Bảng kê gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. - Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. 	<p>3.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện có trách nhiệm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (<i>không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính</i>) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>Bước 3. Thẩm định và trả kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoàn thành việc kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP. Trường hợp kiểm tra, đối chiếu, xác định lô hàng gỗ hợp pháp thì thực hiện xác nhận bằng kê gỗ. - Trường hợp có thông tin vi phạm thì công chức Kiểm lâm báo cáo, đề xuất thủ trưởng cơ quan Kiểm lâm sở tại quyết định tăng tỷ lệ kiểm tra và gia hạn thời gian kiểm tra, thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày. - Trường hợp không xác nhận bằng kê gỗ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản kiểm tra, Hạt Kiểm lâm cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. <p>Bước 4. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>huyện trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: (tính từ thời điểm nhận hồ sơ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp xác định lô hàng gỗ hợp pháp: 05 ngày làm việc, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; + Hạt Kiểm lâm cấp huyện: 4,5 ngày làm việc. - Trường hợp có thông tin vi phạm: 07 ngày làm việc, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; + Hạt Kiểm lâm cấp huyện: 6,5 ngày làm việc. <p>3. Đối tượng thực hiện: Chủ lô hàng gỗ xuất khẩu không phải là doanh nghiệp Nhóm I.</p> <p>4. Cơ quan thực hiện: Hạt Kiểm lâm cấp huyện.</p> <p>5. Kết quả thực hiện: Xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại trên Bảng kê gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP hoặc xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại trên Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.</p>		
2	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Nộp hồ sơ</p> <p>Doanh nghiệp đăng ký phân loại thực hiện nộp hồ sơ bằng một trong hai hình thức sau:</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Chương III Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; khoản 12, khoản 13, khoản 14, khoản</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
	biển, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	<p>ban hành kèm theo Nghị định 120/2024/NĐ-CP.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p> <p>3. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 120/2024/NĐ-CP.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp truy cập vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử www.kiemlam.org.vn để đăng ký theo hướng dẫn của Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp. - Trường hợp doanh nghiệp không ứng dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Đắk Nông (TPVHCC) theo địa chỉ: Số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông hoặc dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn); - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định). - Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). - Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về 		<p>15, khoản 16, khoản 17, khoản 18 Điều 1 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>



sb

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>lâm nghiệp).</p> <p>Bước 2: Trả lời tính đầy đủ của hồ sơ</p> <p>Sau khi nhận được hồ sơ, trong thời gian 01 ngày Chi cục Kiểm lâm (Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp) có trách nhiệm nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp;</p> <p>Bước 3: Xếp loại doanh nghiệp</p> <p>- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin kê khai của doanh nghiệp, Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp của cơ quan tiếp nhận căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP để tự động phân loại doanh nghiệp Nhóm I.</p> <p>Trường hợp có nghi ngờ những thông tin do doanh nghiệp tự kê khai, cần xác minh làm rõ; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân loại của Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp) thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đăng ký phân loại, trong đó nêu rõ thời gian, nội dung cần xác minh.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp) phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức xác minh làm rõ tính chính xác của thông tin tự kê khai của doanh nghiệp và thông báo kết quả xác minh cho doanh</p>		

SĐ

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>ngành đó biết</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp tự động phân loại là doanh nghiệp Nhóm I hoặc kể từ ngày kết thúc xác minh thông tin kê khai theo quy định:</p> <p>+ Nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 102/2020/NĐ-CP, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Thanh tra, pháp chế) xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp và gửi thông báo kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p> <p>+ Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí là doanh nghiệp Nhóm I, phải thông báo và nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.</p> <p>Bước 4: Thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp</p> <p>Sau khi nhận được kết quả từ Chi cục Kiểm lâm, TTPVHCC có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau:</p> <p>- Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p> <p>- Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả).</p> <p>Bước 5: Công bố kết quả (<i>không tính vào thời gian giải quyết</i>)</p> <p>Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>doanh nghiệp được phân loại là doanh nghiệp nhóm I, Cục Kiểm lâm công bố kết quả phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử www.kiemlam.org.vn.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: (tính từ thời điểm nhận hồ sơ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh: 13 ngày làm việc <p>3. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chi cục Kiểm lâm.</p> <p>4. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có ngành nghề trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ.</p> <p>5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp hoặc thông báo nêu rõ lý do không được phân loại Nhóm I.</p>		
B	Thủ tục hành chính cấp huyện				
1	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>Văn bản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Sau 03 ngày kể từ ngày kết thúc đợt thiên tai, dịch bệnh, Tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn);</p>	Không	<p>1. Căn cứ pháp lý: Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành</p>



Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
		<p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p> <p>3. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.</p>	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định);</p> <p>- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu);</p> <p>- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu);</p> <p>- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu);</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện.</p> <p>Bước 2. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thực hiện sang bước 3.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; trong thời hạn 0,5 ngày không tính vào thời gian giải quyết TTHC, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn</p>		<p>một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p> <p>2. Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính: Không</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>thiện hồ sơ theo quy định.</p> <p>Bước 3. Tổ chức kiểm tra hiện trường</p> <p>- Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện tổ chức kiểm tra hiện trường để xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng.</p> <p>Thành phần đoàn kiểm tra hiện trường gồm đại diện: cơ quan chuyên môn cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có rừng bị thiệt hại; chủ rừng hoặc chủ đầu tư dự án có rừng bị thiệt hại; cơ quan chuyên môn cấp huyện xác định nguyên nhân (cơ quan phòng chống thiên tai đối với các nguyên nhân: Do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai, gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai, sự cố, thảm họa khác hoặc cơ quan thực hiện nhiệm vụ bảo vệ thực vật đối với các nguyên nhân do dịch sâu, bệnh và sinh vật khác gây hại rừng (nếu có).</p> <p>- Kết quả kiểm tra hiện trường được cơ quan chuyên môn cấp huyện lập thành biên bản theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.</p> <p>Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết</p>		

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý; Yêu cầu điều kiện thủ tục hành chính
			<p>quả cấp huyện. Thời gian: 05 ngày làm việc. Bước 4. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện liên hệ, trả kết quả cho cá nhân. 2. Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc. Trong đó: - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện: 0,5 ngày làm việc; - Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện: 7,5 ngày làm việc. 3. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức. 4. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao 5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, thiệt hại rừng trồng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng.</p>		



**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 02 TTHC

1. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (Mã số: 3.000159)

1.1. Trường hợp không phải xác minh: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 60 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
B1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo Mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về Hạt Kiểm lâm cấp huyện. 	4
B2	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	1

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
		Công chức Kiểm lâm	- Kiểm tra thành phần hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.	3
			- Thực hiện kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu; + Nếu đạt: Tham mưu Hạt Kiểm lâm cấp huyện xác nhận trên Bảng kê gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP hoặc trên Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP. + Nếu không đạt: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản kiểm tra, Hạt Kiểm lâm cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	28
		Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Xem xét, ký văn bản	2
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	2
B3	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	

1.2. Trường hợp phải xác minh: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
B1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo Mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về Hạt Kiểm lâm cấp huyện. 	4
B2	Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	1
		Công chức Kiểm lâm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra thành phần hồ sơ - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước tiếp theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Hạt Kiểm lâm cấp huyện thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. 	3
			<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu; - Hạt kiểm lâm cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian xác minh lâm sản cần kiểm tra, thời gian gia hạn tối đa 	44

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
			<p>không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp không xác nhận bảng kê gỗ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản kiểm tra, Hạt Kiểm lâm cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- + Nếu đạt: Tham mưu Hạt Kiểm lâm cấp huyện xác nhận trên Bảng kê gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP hoặc trên Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP.</p> <p>+ Nếu không đạt: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản kiểm tra, Hạt Kiểm lâm cấp huyện thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do</p>	
		Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Xem xét ký văn bản	2
		Văn thư	-Đóng dấu; Chuyển kết quả về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.	2
B3	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	




2. Phân loại doanh nghiệp chế biến gỗ và xuất khẩu (Mã số: 3.000160)

2.1. Trường hợp không kiểm tra, xác minh: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ
(Chưa tính thời gian công bố kết quả phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử www.kiemlam.org.vn).

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
B1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	<ol style="list-style-type: none"> Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp). 	4
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	1
		Chuyên viên	- Nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; thông báo đến doanh nghiệp kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp	7
			- Tham mưu xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp (nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định)	23
		Lãnh đạo phòng	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	1
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp	2

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
		Văn thư	- Đóng dấu - Chuyển kết quả về TTHC	2
B3	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	

2.1. Trường hợp phải xác minh: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 13 (ngày làm việc) x 08 giờ = 104 giờ (Chưa tính thời gian công bố kết quả phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử www.kiemlam.org.vn).

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
B1	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm Hành chính công hoặc dịch vụ công trực tuyến. 2. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 3. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 4. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 5. Chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp). 	4
B2	Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	1

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
		Chuyên viên phòng Điều tra, xử lý vi phạm về lâm nghiệp	Nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; thông báo đến doanh nghiệp kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp	7
			- Trường hợp có nghi ngờ những thông tin do doanh nghiệp tự kê khai, cần xác minh làm rõ; thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đăng ký phân loại, trong đó nêu rõ thời gian, nội dung cần xác minh. Phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức xác minh làm rõ tính chính xác của thông tin tự kê khai của doanh nghiệp và thông báo kết quả xác minh cho doanh nghiệp đó biết. - Tham mưu xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp (nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định)	87
		Lãnh đạo phòng	Xem xét ký nháy trình lãnh đạo Chi cục	1
		Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Xem xét ký xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp	2
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển kết quả về TTPVHCC	2
B3	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	



II. Thủ tục hành chính cấp huyện: 01 TTHC

1. Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (Mã số: 1.012922)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
B1	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	<ol style="list-style-type: none"> Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (http://dichvucong.daknong.gov.vn) Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo mẫu). Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo mẫu). Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện chuyển hồ sơ về Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện. 	4
B2	Cơ quan kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện	Lãnh đạo cơ	Duyệt hồ sơ, chuyển hồ sơ cho công chức xử lý	2
		Chuyên viên	<ul style="list-style-type: none"> Tổ chức kiểm tra hiện trường để xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng. Lập Biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, thiệt hại rừng trồng theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định thanh lý rừng trồng. Trình lãnh đạo xem xét. 	30
		Lãnh đạo cơ quan	Xem xét, duyệt Biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân thiệt hại rừng trồng	2
		Văn thư	Đóng dấu; Chuyển kết quả về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	2

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định
B4	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Công chức tiếp nhận và trả kết quả	Thông báo và trả kết quả cho cá nhân	

SP